TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:105/2024/KDTM-ST
Ngày: 24-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo
2. Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2023/TLST-KDTM ngày 16 tháng 11 năm 2023 về ‘‘Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2024/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 216/2024/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần B

Trụ sở: Số 4 đường N, phường Đ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Lý Đức Q, sinh năm 1978; Chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số: 01/2024/GUQ/NBT ngày 01/01/2024): Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1990.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Quản lý C

Trụ sở: 60A đường T, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ đang thực tế hoạt động kinh doanh: 117 đường C, phường V, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Hồng Qu, sinh năm 1972; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 10/10/2023 của Nguyên đơn – Công ty Cổ phần Thương mại B (sau đây gọi là Nguyên đơn) cùng trình bày của ông Nguyễn Văn là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì: Năm 2022, Công ty Cổ phần Quản lý C (sau đây gọi là Bị đơn) liên hệ với Nguyên đơn để mua hàng theo Hợp đồng số 412/2022/NBT-CTM. Sau đó, Nguyên đơn đã xuất các hóa đơn số 932 ngày 23/11/2022, hóa đơn 933 ngày 23/22/2022, hóa đơn số 1104 ngày 16/12/2022 và hóa đơn số 1199 ngày 23/12/2022. Ngày 14/3/2023, Bị đơn đã ký Biên bản xác nhận công nợ Nguyên đơn đến ngày 31/12/2022 là 112.453.920đ, Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu Bị đơn trả tiền nhưng Bị đơn không trả nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay cho Nguyên đơn 112.453.920đ nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 10/10/2023 là 6.319.610đ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập ông Vũ Hồng Qu là Người đại diện theo pháp luật của Bị đơn để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Vũ Hồng Qu đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, Bị đơn do ông Vũ Hồng Qu là Người đại diện theo pháp luật vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn đã giao hàng cho Bị đơn đúng thỏa thuận, nhưng Bị đơn lại không thanh toán theo thỏa thuận cho Nguyên đơn. Nên Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả ngay 112.453.920đ theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 14/3/2023, Nguyên đơn xin rút lại yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Mặc dù có vi phạm thời hạn công bố tài liệu, chứng cứ và thời hạn đưa vụ án ra xét xử nhưng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên đề nghị Tòa án rút kinh nghiệm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện ‘‘tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa’’ do Bị đơn có trụ sở tại quận Tân Bình nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông Nguyễn Văn L là Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Đối với yêu cầu Bị đơn phải thanh toán 112.453.920đ nợ gốc của Nguyên đơn.

Căn cứ vào Hợp đồng mua bán hàng hóa số 412/2022/NBT-CTM ngày 12/9/2022; Các Phụ lục hợp đồng, biên bản giao nhận, hóa đơn GTGT do Nguyên đơn cung cấp thể hiện giữa Nguyên đơn, Bị đơn có giao dịch mua bán với nhau.

Căn cứ Bảng đối chiếu công nợ ngày 14/3/2023 giữa Nguyên đơn và Bị đơn thể hiện tính đến ngày 14/3/2023 Bị đơn còn nợ Nguyên đơn 112.453.920đ, số nợ này theo Hóa đơn số 0000932 ngày 23/11/2022 số tiền 30.546.720đ theo PL 1.1-HĐ 412/2022/NBT-CTM; Hóa đơn số 0000933 ngày 23/11/2022 số tiền 51.094.800đ theo PL 3.1-HĐ 412/2022/NBT-CTM; Hóa đơn số 0001104 ngày 16/12/2022 số tiền 28.371.600đ theo PL 2.1-HĐ 412/2022/NBT-CTM; Hóa đơn số 0001199 ngày 23/11/2022 số tiền 2.440.800đ theo QLTS (bổ sung).

Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở xác định Bị đơn có nợ Nguyên đơn 112.453.920đ nên Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả 112.453.920đ là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc Bị đơn phải có trách nhiệm trả cho Nguyên đơn 112.453.920đ nợ gốc.

[4] Về việc rút yêu cầu Bị đơn phải trả 6.319.610đ tiền lãi của Nguyên đơn.

Xét thấy: Việc rút yêu cầu của Nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 217, Khoản 3 Điều 218, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng

Dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của Nguyên đơn, Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[5] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[6] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, trả lại Nguyên đơn 2.811.348đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Bị đơn phải chịu 5.622.696đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; điểm c Khoản 1 Điều 217; Khoản 3 Điều 218; Điều 227; Khoản 2 Điều 244; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 24; Điều 34; Điều 50; Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Khoản 1, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn - Công ty Cổ phần B.

1.1 Buộc Công ty Cổ phần Quản lý C có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần Thương mại Nhà Bè 112.453.920đ (Một trăm mười hai triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn chín trăm hai mươi đồng) nợ gốc.

1.2 Đình chỉ yêu cầu của Công ty Cổ phần B về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Quản lý C phải trả 6.319.610đ (Sáu triệu ba trăm mười chín ngàn sáu trăm mười đồng) tiền lãi.

2/ Về thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về địa điểm thanh toán: Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4/ Về án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần Quản lý C phải chịu 5.622.696đ (Năm triệu sáu trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm chín mươi sáu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Công ty Cổ phần B 2.811.348đ (Hai triệu tám trăm mười một ngàn ba trăm bốn mươi tám đồng) tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0024032 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần B cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả, Công ty Cổ phần Quản lý C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

7/ Về quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần B có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty Cổ phần Quản lý C có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

8/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương